| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN BA ĐÌNH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **68**/2020/QĐST- KDTM | *Ba Đình, ngày 26 tháng 9 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Ông **L Minh Mãi**

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235, 246 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ khoản 8 Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 38/2020/TLST - KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 304/2020/QĐST - KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2020/QĐST - HPT ngày 15 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Đ**; Địa chỉ: Số 25 Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Vũ Đình Khoán – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Văn T theo Giấy ủy quyền số 4250/2020/UQ-SeaBank ngày 03/4/2020.

* Bị đơn: **Công ty Cổ phần X**; Địa chỉ: Phòng 209, Nhà K8 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: ông Trần Mai L – Chức vụ: Giám đốc.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trần Đại N,** sinh năm 1950 và bà **Ngô Thị M**, sinh năm 1951; Cùng cư trú: Phòng 209, Nhà K8 T, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Ông N và bà M ủy quyền cho ông Trần Mai L theo Biên bản xác nhận ủy quyền ngày 24/5/2020.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ**: Công ty Cổ phần X xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến hết 25 tháng 9 năm 2020 là: Nợ gốc: 4.119.219.665 *(Bốn tỷ, một trăm mười chín triệu, hai trăm mười chín nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm)* đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.859.458 *(Sáu triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám)* đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.143.315.233 *(Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn, hai trăm ba mươi ba)* đồng; Tổng: 5.269.394.356 *(Năm tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi sáu)* đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/HĐHMTD ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-01 ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-03 ngày 06/10/2017 và Giấy nhận nợ ngày 13/02/2018.

**2.2. Về lộ trình trả nợ cụ thể như sau**:

Chậm nhất ngày 30/11/2020 Công ty Cổ phần X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 25/9/2020 với số tiền: Nợ gốc: 4.119.219.665 *(Bốn tỷ, một trăm mười chín triệu, hai trăm mười chín nghìn, sáu trăm sáu mươi lăm)* đồng; Nợ lãi trong hạn: 6.859.458 *(Sáu triệu, tám trăm năm mươi chín nghìn, bốn trăm năm mươi tám)* đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.143.315.233 *(Một tỷ, một trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm mười lăm nghìn, hai trăm ba mươi ba)* đồng; Tổng: 5.269.394.356 *(Năm tỷ, hai trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi sáu)* đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/HĐHMTD ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-01 ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-03 ngày 06/10/2017 và Giấy nhận nợ ngày 13/02/2018.

Kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2020 Công ty Cổ phần X phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/HĐHMTD ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-01 ngày 28/02/2017; Phụ lục Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1705900024/PLHĐHMTD-03 ngày 06/10/2017 và Giấy nhận nợ ngày 13/02/2018.

Trong lộ trình trả nợ, nếu Công ty Cổ phần X không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ hoặc vi phạm thời hạn trả nợ, thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ là:

Quyền sử dụng 171,4m$^2$ đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 269, tờ bản đồ số 09, địa chỉ: phường Thu Thủy, Thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB523915 do Uỷ ban nhân dân thị xã Cửa Lò cấp ngày 29/12/2016 cho ông Trần Đại N và bà Ngô Thị M theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1636400240/HĐTC ngày 29/12/2016 số công chứng: 3298 – quyển số 04/2016/VPCCBTB/HĐGD tại Văn phòng công chứng Bắc Trung Bộ để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì Công ty Cổ phần X phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

**3. Về án phí sơ thẩm**: Công ty Cổ phần X phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 113.269.394 (*Một trăm mười ba triệu, hai trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi bốn*) đồng.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 56.000.000 (*Năm mươi sáu triệu*) đồng theo biên lai thu số 0024424 ngày 13 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**5**. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi Cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Long